

MÔN NGỮ VĂN- KHỐI 6
HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 12

TUẦN 12:

BÀI 4: NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI

Tiết: 45

Văn bản 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM

(Phần A các em đọc để biết cách tìm hiểu bài học. Không cần ghi chép mục này.)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ SGK/ 90 - 93 và thực hiện các yêu cầu sau:

** Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị đọc:*

- Em đã từng thấy bộ dứa chưa? Em đã biết gì về tập tính của bộ dứa? Nếu chưa biết gì về bộ dứa, em hãy hỏi người khác hoặc tìm hiểu thông tin từ sách và Internet.

- Đã bao giờ có một sự việc bất ngờ xảy ra khiến em thay đổi quyết định của mình? Chia sẻ với các bạn về trải nghiệm ấy.

** Nhiệm vụ 2: Trải nghiệm cùng văn bản:*

- Đọc văn bản: “*Giọt sương đêm*”

- Tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.

- Suy nghĩ, dự đoán câu trả lời cho các câu hỏi sau:

+ Theo em, vì sao giọt sương lại làm cho Bộ Dừa quyết định về quê?

+ Lời của cụ giáo Cóc có ý nghĩa gì?

** Nhiệm vụ 3: Suy ngẫm và phản hồi:*

- Xác định nhân vật và ngôi kể trong văn bản

- Tóm tắt văn bản “*Giọt sương đêm*” bằng sơ đồ

- Tìm hiểu, xác định, nhận biết và sử dụng các biện pháp nghệ thuật, đặc biệt là biện pháp nhân hóa

- Trải nghiệm của nhân vật Bộ Dừa

- Thông điệp mà tác giả Trần Đức Tiến muốn gửi gắm đến độc giả.

** Nhiệm vụ 4: Tổng kết và củng cố:*

- Rút ra nội dung và nghệ thuật của văn bản.

* *Nhiệm vụ 5: Luyện tập*

- Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) chia sẻ với các bạn về một trải nghiệm đáng nhớ đã làm thay đổi suy nghĩ, thái độ hoặc lối sống của em.

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:

1. Đọc:

- SGK/ trang 90-93

- HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi theo dõi, suy luận.

- HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật.

2. Tác giả: (SGK/93)

3. Tác phẩm:

a. Thể loại: Truyện đồng thoại

b. Xuất xứ: In trong Xóm Bờ Giậu

II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:

1. Nhân vật và ngôi kể:

- Nhân vật: Tác Kè, Thần Lăn, Ốc Sên, Cọ giáo Cóc, Bọ Dừa

- Người kể chuyện: người kể chuyện ẩn mình

- Ngôi kể: Ngôi thứ ba

=> Trong truyện đồng thoại, người kể chuyện có thể là nhân vật, có thể là người kể chuyện giấu mình. Ngôi kể có thể là ngôi thứ nhất (xung tôi), cũng có thể là ngôi thứ ba (giấu mình)

2. Cốt truyện:

- Sắp xếp các sự việc: e - b - d - a - c

- Sự việc quan trọng nhất: “Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thần Lăn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thần Lăn để về quê.”. Vì sự việc này có ý nghĩa sâu sắc, sau một đêm mất ngủ, Bọ Dừa nhận ra chính mình, quay trở về quê hương sau bao năm xa cách, quên lãng.

3. Biện pháp nghệ thuật:

- Nghệ thuật: Điệp ngữ, so sánh, **đặc biệt là nhân hóa.**

- Đặc điểm truyện đồng thoại: các nhân vật được nhân hóa nhưng vừa phản ánh các đặc điểm sinh hoạt của loài vật lại gắn liền với nhận thức, tâm lí, đặc điểm lứa tuổi thiếu nhi.

4. Nhân vật Bọ Dừa:

- Ngoại hình: béo, râu ngắn

- Sở thích: thích ăn lá trúc

- Nghề nghiệp: nghề buôn

- Hoàn cảnh: xa quê đi buôn bán đã lâu chưa về, trên đường đi ghé vào xóm Bờ Giậu tìm chỗ nghỉ ngơi; ngủ ở ngoài trời

- Lí do khiến Bọ Dừa về quê sau một đêm mất ngủ: trong đêm thanh vắng, ông lắng nghe rõ được những âm thanh quen thuộc. Đặc biệt là khi giọt sương rơi xuống cỏ khiến ông sức nhớ quê nhà. Những âm thanh, hình ảnh đó đã gọi nhắc ông về hình ảnh thân thuộc của quê hương mà bao lâu nay ông bỏ quên.

5. Thông điệp của văn bản:

- Trải nghiệm của Bọ Dừa trong đêm ấy là ông đã ngủ ngoài trời và ông đã có cơ hội được ngắm nhìn trời mây, lắng nghe âm thanh của lá cây, côn trùng, tiếng gió, tiếng sương rơi.

- Qua đó, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp: đôi khi vì cuộc sống bận rộn khiến chúng ta quên đi những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Vì vậy hãy biết trân trọng những thứ mình đang có: quê hương, gia đình, người thân, bạn bè...

5. Kết thúc truyện:

- Kết thúc truyện: Bọ Dừa đi về quê.

- Góp phần thể hiện thông điệp của văn bản: Hãy trân trọng quê hương, gia đình đừng mãi bôn ba, phiêu bạt bên ngoài. Nếu chọn cách kết truyện là cảm ơn mọi người trong xóm rồi tiếp tục hành trình của mình thì văn bản sẽ không thể hiện được thông điệp → không có giá trị giáo dục.

- HS sáng tạo kết truyện theo tưởng tượng của bản thân. Gợi ý:

Sau khi nghe câu chuyện của Bọ Rùa, Thần Lăn khuyên:

- Thế thì bác nên về thăm quê đi, xem các cụ có khỏe không. Còn bà con xóm giềng nữa. Lỡ mình đi lâu về họ quên cả mình thì chết.

- Tôi cũng dự tính như vậy. Nhưng ngặt nỗi chuyến hàng này của tôi nặng vốn quá, mà bán chưa được bao nhiêu. Có lẽ bán hết chỗ này tôi mới về quê được bác ạ.

Nói xong Bọ Dừa chào mọi người rồi tiếp tục hành trình của mình.

III. TỔNG KẾT VÀ Củng cố:

1. Nội dung:

- Văn bản kể lại một đêm mất ngủ của Bọ Dừa tại xóm Bờ Giậu. Những âm thanh, hình ảnh quen thuộc đó đã gợi nhắc ông về hình ảnh quê hương mà bao lâu nay ông bỏ quên.
- Hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống mà con người vốn dễ lãng quên.

2. Nghệ thuật:

- Truyện đồng thoại với nội dung hấp dẫn, sinh động.
- Kể chuyện kết hợp với miêu tả, sử dụng nhiều phép tu từ.

IV. LUYỆN TẬP:

- Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) chia sẻ với các bạn về một trải nghiệm đáng nhớ đã làm thay đổi suy nghĩ, thái độ hoặc lối sống của em.

V. DẶN DÒ:

- Nắm nội dung bài học.
 - Hoàn thành bài tập.
 - Chuẩn bị bài: “*Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ*”
-

TUẦN 12:

BÀI 4: NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI

Tiết: 45

Tri thức tiếng Việt và Thực hành Tiếng Việt:

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

(Phần A các em đọc để biết cách tìm hiểu bài học. Không cần ghi chép mục này)

a. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ SGK/82 và SGK/96-98 thực hiện các yêu cầu sau:

* *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt (SGK/82)*

- Cụm từ là gì?
- Thế nào là cụm danh từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ?
- Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ
- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

* *Nhiệm vụ 2: Thực hành tiếng Việt (SGK/96-98)*

- Hoàn thành các bài tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6

* *Nhiệm vụ 4: Tổng kết và củng cố:*

- Ghi nhớ các tri thức tiếng Việt đã tìm hiểu ở trên

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG GHI BÀI

I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Cụm từ:

a. Ví dụ:

VD1: Chim sẻ/đang hát.

C V

VD2: Những chú chim sẻ/đang hát líu lo.

C V

=> Chủ ngữ, vị ngữ trong câu có thể là từ (chim sẻ, hát) hoặc cụm từ (những chú chim sẻ, hát líu lo).

b. Kết luận:

- Trong câu tiếng Việt, thành phần chính gồm có chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Chủ ngữ và vị ngữ của câu có thể chỉ là một từ, nhưng cũng có thể là một cụm từ.

- Cụm từ do 2 từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu trọn vẹn về nghĩa.

2. Các loại cụm từ:

a. Xét ví dụ: (SGK/82)

b. Kết luận:

- Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong câu thường có những loại như:

+ Cụm danh từ có danh từ làm thành phần chính. Ví dụ: *hai cái rặng đên nhánh*

+ Cụm động từ có động từ làm thành phần chính. Ví dụ: *thường dẫn tôi ra vườn*

+ Cụm tính từ có tính từ làm thành phần chính. Ví dụ: *rất chăm chỉ*

3. Cách mở rộng thành phần của câu bằng cụm từ :

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.

VD: Gà/ gáy. Có thể mở rộng thành: *Con gà trông tía của nhà tôi/gáy rất to.*

C V

C V

- Biến chủ ngữ, vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

VD: *Chim sơn ca/đang hát*. Có thể mở rộng thành:

C V

Những chú chim sơn ca xinh xắn/ đang hát véo von trên cành.

C

V

- Có thể mở rộng cả chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

4. Tác dụng:

VD: (1) *Hoa nở.*

(2) *Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn.*

Câu (2) cung cấp thông tin cụ thể, chi tiết về chủ thể (*hoa*) và trạng thái của nó (*nở*).

Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng hơn.

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Hoàn thành các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 SGK trang 96-98

Bài tập 1 SGK/96:

- Câu a chủ ngữ là “Vuốt” không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung.

- Còn câu b “Những cái vuốt ở chân, ở khoeo” cho ta thấy vị trí rõ ràng hơn.

=> *Như vậy việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu giúp chúng ta nắm bắt được thông tin chi tiết, rõ ràng hơn.*

Bài tập 2 SGK/97:

a. So với cách dùng vị ngữ “bò lên” thì cách diễn đạt “mon men bò lên” (cụm động từ) đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động, giúp ta hình dung rõ hơn thái độ của Dế Mèn đó là rón rén, sợ sệt, từ từ bò lên sau khi biết chị Cốc đã bỏ đi.

b. So với cách dùng vị ngữ “khóc” thì cách diễn đạt “khóc thảm thiết” (cụm động từ) diễn tả thêm cách thức thực hiện hành động, thể hiện rõ mức độ khóc lóc vô cùng thương tâm, đau xót.

c. So với cách diễn đạt “nóng”, cụm từ “nóng hầm hập” (cụm tính từ) bổ sung thêm thông tin về cái nóng, làm cho thông tin miêu tả trở nên chi tiết, giúp ta hình dung mức độ nóng đạt tới đỉnh điểm, vô cùng oi bức, khó chịu.

=> Việc dùng cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần vị ngữ của câu là bổ sung thông tin chi tiết, cụ thể cho việc miêu tả hành động, tính chất của chủ thể được nói đến trong câu.

Bài tập 3 SGK/97:

Văn bản Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài):

- Tôi/ ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

C V

=> Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.

- Thịnh thoảng, tôi/ ngựa chân đá một cái, gheo anh Gọng Vó lăm lăm vừa ngo

C V

ngác dưới đầm lên.

=> Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.

Văn bản Giọt sương đêm (Trần Đức Tiến):

- Bọ Dừa/ rùng mình, tỉnh hẳn.

C V

=> Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.

- Thần Lăn/ vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác

C V

thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ.

=> Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.

Bài tập 4 SGK/97: Xác định chủ ngữ và vị ngữ:

a. Khách/ giật mình.

C V

b. Lá cây/ xào xạc.

C V

c. Trời /rét.

C V

Mở rộng thành phần câu:

a. Vị khách đó/ giật mình.

C V

b. Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc.

C

V

c. Trời/ rét buốt.

C

V

=> Những câu mở rộng thành phần câu giúp thể hiện chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng.

Bài tập 5 SGK/97:

a. Các từ láy: phanh phách, hủn hoãn, phanh phạch, giòn giã, rung rinh.

=> Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn.

b. Những câu văn sử dụng phép so sánh: Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.

=> Miêu tả những chiếc vuốt của Dế Mèn rất sắc nhọn, diễn tả sức mạnh của Dế Mèn.

Bài tập 6 SGK/98:

a. Nghĩa của từ “tợn”:

- Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì, lộ rõ vẻ thách thức.

- Chỉ sự khác thường ở một mức độ cao (rét tợn)

b. Từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa hiểu: Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì, lộ rõ vẻ thách thức.

Cơ sở để xác định là dựa vào nội dung những câu văn sau đó: Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại.

III. TỔNG KẾT VÀ Củng cố

- Ghi nhớ các tri thức tiếng Việt đã tìm hiểu ở trên

IV. DẶN DÒ

- Nắm nội dung bài học

- Hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài mới: Đọc kết nối chủ điểm “*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*”